TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2025/QĐST-LĐ	*TP. Thái Bình, ngày 19 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Khánh Linh

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thảo Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên họp: Bà Lương Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 38/2024/TLST-LĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 07/2025/QĐST-LĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Cao Thị T, sinh năm 1966;

Nơi cư trú: Số nhà 131, đường H, tổ 8, phường T1, thành phố T2, tỉnh T2.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Bà Cao Thị T3, sinh năm 1963;

Nơi cư trú: Số nhà 18, đường T1, tổ 6, phường T1, thành phố T2, tỉnh T2.

2.2. UBND phường T1, thành phố T2, tỉnh T2;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Ngọc L – Chức vụ: Chủ tịch UBND phường T1.

2.3. Công ty S;

Địa chỉ: Số 231, đường N, quận T4, Thành phố H1.

Người đại diện: Ông Hà Đăng T4 – Chức vụ: Giám đốc Công ty S.

Địa chỉ: Số 5, đường T5, phường T6, thành phố T2, tỉnh T2.

2.4. Công ty Đ;

Địa chỉ: Tổ 3 (tổ 7 cũ), phường H2, thành phố T2, tỉnh T2.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tất T7 – Chức vụ: Giám đốc Công ty Đ.

2.5. Bảo hiểm xã hội tỉnh T2;

Địa chỉ: Số 07, đường L1, phường L2, thành phố T2, tỉnh T2.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T8 - Chức vụ: Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh T2.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Mạc Thanh H3 – Chức vụ: Phó Giám đốc BHXH tỉnh. *(Theo Giấy uỷ quyền số 2588/UQ-BHXH ngày 29/10/2024).*

(Các đương sự đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai, bà Cao Thị T trình bày:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01/1982 đến tháng 05/2019 bà Cao Thị T đã mượn giấy tờ của chị gái là bà Cao Thị T3 để ký hợp đồng lao động với các đơn vị, cụ thể: Từ tháng 01/1982 đến tháng 11/2003 bà T ký kết hợp đồng lao động với UBND xã T1 (nay là UBND phường T1); Từ tháng 12/2003 đến tháng 02/2019 bà T ký kết hợp đồng lao động với Công ty S; Từ tháng 03/2019 đến tháng 05/2019 bà T ký kết hợp đồng lao động với Công ty Đ. Tuy trên hợp đồng lao động lấy tên Cao Thị T3 nhưng thực tế bà T là người trực tiếp làm việc và tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội nhưng dưới họ tên là Cao Thị T3, sổ sổ bảo hiểm xã hội 2699002685.

Bà T yêu cầu Tòa án tuyên bố các hợp đồng lao động đã ký kết mang tên bà Cao Thị T3 (trên thực tế là bà Cao Thị T ký) với UBND xã T1 trong thời gian từ tháng 01/1982 đến tháng 11/2003; hợp đồng lao động đã ký kết với Công ty S trong thời gian từ tháng 12/2003 đến tháng 02/2019 và hợp đồng lao động đã ký kết với Công ty Đ trong thời gian từ tháng 03/2019 đến tháng 05/2019 là vô hiệu và yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Cao Thị T3 trình bày:

Từ tháng 01/1982 đến tháng 05/2019 bà Cao Thị T3 đã cho bà Cao Thị T mượn chứng minh nhân dân mang tên Cao Thị T3 để ký kết các hợp đồng lao động lần lượt với UBND xã T1, Công ty S và Công ty Đ. Trên thực tế, bà T là người ký kết hợp đồng và làm việc thực tế và sổ bảo hiểm xã hội của bà T đóng trong thời gian từ tháng 01/1982 đến tháng 05/2019 mang tên Cao Thị T3, số sổ bảo hiểm xã hội 2699002685.

Tương ứng thời gian kể trên, bà T3 làm lao động tự do ở nhiều nơi, không hưởng chế độ lương hưu hay phụ cấp nào.

Nay bà T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình tuyên bố các hợp đồng lao động đã ký kết mang tên bà Cao Thị T3 (trên thực tế là bà Cao Thị T ký) với UBND xã T1 trong thời gian từ tháng 01/1982 đến tháng 11/2003; hợp đồng lao động đã ký kết với Công ty S trong thời gian từ tháng 12/2003 đến tháng 02/2019 và hợp đồng lao động đã ký kết với Công ty Đ trong thời gian từ tháng 03/2019 đến tháng 05/2019 là vô hiệu và yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật. Bà T3 hoàn toàn nhất trí với yêu cầu của bà T và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho các bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND phường T1 (trước là UBND xã T1) trình bày:

UBND phường xác nhận bà Cao Thị T3 có thời gian công tác tại UBND xã T1 (nay là UBND phường T1), thành phố T2, tỉnh T2 trong thời gian từ tháng 01/1982 đến tháng 11/2003. UBND xã T1 đã đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ cho bà Cao Thị T3, số sổ bảo hiểm xã hội 2699002685 từ tháng 01/1982 đến tháng 11/2003. Sau đó bà Cao Thị T3 đã chấm dứt hợp đồng lao động với UBND xã T1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty S trình bày:

Công ty xác nhận bà Cao Thị T3 có thời gian công tác tại Chi nhánh Công ty S tại T2 trong thời gian từ tháng 12/2003 đến tháng 02/2019. Chi nhánh Công ty S tại T2 đã đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ cho bà Cao Thị T3, số sổ bảo hiểm xã hội 2699002685 từ tháng 12/2003 đến tháng 02/2019. Sau đó bà Cao Thị T3 đã chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Đ trình bày:

Công ty xác nhận bà Cao Thị T3 có thời gian công tác tại Công ty Đ trong thời gian từ tháng tháng 03/2019 đến tháng 05/2019. Công ty đã đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ cho bà Cao Thị T3, số sổ bảo hiểm xã hội 2699002685 từ tháng 03/2019 đến tháng 05/2019. Sau đó bà Cao Thị T3 đã chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội tỉnh T2 trình bày:

Bà Cao Thị T3, sinh ngày 08/4/1963, tại số sổ bảo hiểm xã hội 2699002685 có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 01/1982 đến tháng 05/2019 là 36 năm 8 tháng và bảo hiểm thất nghiệp là 09 năm 8 tháng. Trong đó từ tháng 01/1982 đến tháng 11/2003 tại UBND xã T1 (nay là UBND phường T1); từ tháng 12/2003 đến tháng 02/2019 tại Công ty S; từ tháng 03/2019 đến tháng 05/2019 tại Công ty Đ.

Tổng số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đã đóng là 274.774.746 đồng, trong đó người sử dụng lao động đóng 169.543.848 đồng, người lao động đóng 78.230.898 đồng. Hiện nay Bảo hiểm xã hội tỉnh không lưu giữ Hợp đồng lao động ký kết giữa UBND xã T1, Công ty S, Công ty Đ với bà Cao Thị T3 trong thời gian từ tháng 01/1982 đến tháng 05/2019.

Bà Cao Thị T3 đã được Bảo hiểm xã hội tỉnh T2 giải quyết chế độ hưu trí theo Quyết định số 749/QĐ-BHXH ngày 19/6/2019, thời điểm hưởng từ tháng 6/2019. Số tiền lương hưu BHXH tỉnh T2 đã chi trả cho bà T3 từ tháng 6/2019 đến hết tháng 02/2025 là 390.971.813 đồng; trong đó chi trả hằng tháng là 369.756.843 đồng và trợ cấp một lần khi nghỉ hưu là 21.214.970 đồng.

Bảo hiểm xã hội tỉnh T2 đề nghị Tòa án xử lý yêu cầu của bà Cao Thị T theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình căn cứ vào Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 127 Bộ luật Dân sự; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 15, Điều 50, Điều 51 Bộ luật Lao động 2019, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của bà Cao Thị T, đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa UBND xã T1 trong thời gian từ tháng 01/1982 đến tháng 11/2003; hợp đồng lao động đã ký kết giữa Công ty S trong thời gian từ tháng 12/2003 đến tháng 02/2019 và hợp đồng lao động đã ký kết giữa Công ty Đ trong thời gian từ tháng 03/2019 đến tháng 05/2019 với bà Cao Thị T3 (do bà Cao Thị T ký) là vô hiệu. Bà Cao Thị T và bà Cao Thị T3 có quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh thông tin. Bà Cao Thị T phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người lao động ký Hợp đồng lao động với UBND xã T1, Công ty S và Công ty Đ có địa chỉ tại thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Căn cứ điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

[2] Xét thấy việc bà Cao Thị T mượn chứng minh nhân dân của bà Cao Thị T3 để ký kết hợp đồng lao động với UBND xã T1, Công ty S và Công ty Đ là hành vi vi phạm nguyên tắc "trung thực" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động năm 2019. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, do đó yêu cầu của bà Cao Thị T là có căn cứ, chấp nhận yêu cầu của bà Cao Thị T, tuyên bố hợp đồng lao động đã ký kết giữa UBND xã T1 trong thời gian từ tháng 01/1982 đến tháng 11/2003; hợp đồng lao động đã ký kết giữa Công ty S trong thời gian từ tháng 12/2003 đến tháng 02/2019 và hợp đồng lao động đã ký kết giữa Công ty Đ trong thời gian từ tháng 03/2019 đến tháng 05/2019 với bà Cao Thị T3 (do bà Cao Thị T ký) là vô hiệu.

[3] Đối với yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Căn cứ khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ: Xét thấy mặc dù có sự lừa dối khi ký kết hợp đồng lao động giữa bà Cao Thị T (hồ sơ mượn tên bà Cao Thị T3) với UBND xã

T1, Công ty S và Công ty Đ nhưng trên thực tế bà T có làm việc tại 03 đơn vị trên, có đóng bảo hiểm xã hội và quá trình làm việc cả 03 đơn vị có đóng bảo hiểm cho bà T (mang tên bà Cao Thị T3, số sổ bảo hiểm xã hội là 2699002685). Do vậy cần điều chỉnh tên Cao Thị T3 trên Sổ bảo hiểm xã hội số 2699002685 thành Cao Thị T. Bà Cao Thị T và bà Cao Thị T3 có quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Bình để làm thủ tục điều chỉnh thông tin từ Cao Thị T3 thành Cao Thị T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 19, Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, điểm b khoản 1 Điều 49, Điều 50, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Cao Thị T.

2. Tuyên bố:

- Hợp đồng lao động đã ký giữa UBND xã T1 (nay là UBND phường T1), thành phố T2, tỉnh T2 và bà Cao Thị T3 (do bà Cao Thị T ký) trong thời gian từ tháng 01/1982 đến tháng 11/2003 là vô hiệu.

- Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty S và bà Cao Thị T3 (do bà Cao Thị T ký) trong thời gian từ tháng 12/2003 đến tháng 02/2019 là vô hiệu.

- Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty Đ và bà Cao Thị T3 (do bà Cao Thị T ký) trong thời gian từ tháng 03/2019 đến tháng 05/2019 là vô hiệu.

2. Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Điều chỉnh thông tin nhân thân số sổ bảo hiểm xã hội 2699002685 từ Cao Thị T3, sinh ngày 08/4/1963, căn cước công dân số 034163005349 thành Cao Thị T, sinh ngày 27/4/1966, căn cước công dân số 034166013193 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 11/9/2023. Bà Cao Thị T3 và bà Cao Thị T có quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh T2 để làm thủ tục điều chỉnh thông tin nhân thân từ Cao Thị T3 thành Cao Thị T.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Cao Thị T phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng bà T đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000874 ngày 18/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình thành tiền lệ phí.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà Cao Thị T có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. UBND xã T1 (nay là UBND phường T1), Công ty S, Công ty Đ, bà Cao Thị T3, Bảo hiểm xã hội tỉnh T2 có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định

này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- *VKSND TP. Thái Bình;*
- *Người yêu cầu;*
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;*
- *Lưu: Hồ sơ việc dân sự.*

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Khánh Linh